

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chính phủ và Luật Tổ
chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

*Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 14/01/2014 của UBND tỉnh Lào
Cai phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Lào Cai giai đoạn 2014 - 2020,
tầm nhìn đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
602/TTr-STNMT ngày 24/9/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và công bố Danh mục 152 hồ, ao, đầm không được san lấp để phòng, chống ngập, úng và bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai gồm: 124 hồ, 27 ao, 01 đầm. Trong đó:

- Huyện Mường Khương: 18 hồ, 02 ao.
- Huyện Bát Xát: 03 hồ.
- Huyện Bắc Hà: 03 hồ, 02 ao.
- Huyện Si Ma Cai: 05 hồ, 02 ao.
- TP. Lào Cai: 12 hồ.
- Thị xã Sa Pa: 02 hồ.
- Huyện Bảo Thắng: 43 hồ, 13 ao.
- Huyện Bảo Yên: 19 hồ, 08 ao.
- Huyện Văn Bàn: 19 hồ, 01 đầm.

(Có phụ lục Danh mục hồ, ao, đầm kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thông báo cho các địa phương, các đơn vị liên quan về danh mục các hồ, ao, đầm của địa phương không được san lấp.

- Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị trên địa bàn thực hiện, quản lý hồ, ao, đầm không được san lấp theo quy định.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp thuộc trách nhiệm của địa phương. Thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm những sai phạm theo qui định của pháp luật.

- Định kỳ báo cáo công tác quản lý hồ, ao, đầm không được san lấp về Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh theo quy định.

- Trình UBND tỉnh điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp cho phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo từng giai đoạn.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Ban hành văn bản hướng dẫn về quản lý hồ, ao, đầm không được san lấp có mục đích sử dụng để nuôi trồng thủy sản và cấp nước sản xuất nông nghiệp.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Ban hành văn bản hướng dẫn về quản lý hồ, ao, đầm không được san lấp có chức năng bảo tồn văn hóa, phục vụ mục đích du lịch.

4. Sở Giao thông vận tải - Xây dựng

Ban hành văn bản hướng dẫn về quản lý hồ, ao, đầm không được san lấp thuộc các đô thị và khu công nghiệp.

5. Trách nhiệm của chính quyền địa phương

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xây dựng phương án và tổ chức bảo vệ, quản lý theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các ngành chức năng liên quan thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo qui định của pháp luật.

- Định kỳ báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) tình hình quản lý, khai thác, sử dụng hồ, ao, đầm không được san lấp.

- Tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp cho phù hợp với mục đích phát triển kinh tế của địa phương

6. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân quản lý hồ, ao, đầm

- Sử dụng hồ, ao, đầm đúng mục đích và tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ hồ, ao, đầm không được san lấp.

- Kiểm soát chặt chẽ các hành vi lấn chiếm hồ, ao, đầm xây dựng công trình trái phép và xả nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất, kinh doanh dịch vụ trực tiếp vào hồ, ao, đầm trong danh mục không được san lấp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý sai phạm theo qui định của pháp luật.

- Việc khai thác, sử dụng hồ, ao, đầm trong danh mục không được san lấp vào các mục đích (vui chơi giải trí, nuôi trồng thủy sản, du lịch...) phải đáp ứng

chức năng điều hoà nước mưa, tạo cảnh quan, môi trường, sinh thái và được cấp có thẩm quyền cho phép.

7. Trách nhiệm của cộng đồng dân cư

- Không xả chất thải chưa qua xử lý vào hồ, ao, đầm gây ô nhiễm nguồn nước.
- Không tự ý san lấp hồ, ao, đầm sử dụng vào mục đích khác khi không được cấp có thẩm quyền cho phép.
- Tố giác các hành vi vi phạm các quy định về quản lý, khai thác, sử dụng hồ, ao, đầm không được san lấp.
- Trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo các qui định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công thương, Giao thông vận tải - Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH4, NLN1,3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh



DANH MỤC HỒ, AO, ĐÀM KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số 3603/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Tên hồ, ao, đầm	Vị trí, địa điểm	Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Mục đích sử dụng đất của ao, hồ, đầm		Đơn vị quản lý	Ghi chú
					Hiện trạng	Quy hoạch Gđ 2021-2030		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Huyện Mường Khương (20)							
1	Hồ Na Đầy	TDP Xóm Mới, TT. Mường Khương	2,37	0,082	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND TT Mường Khương	
2	Ao Sàng Chải	TDP Sàng Chải, TT. Mường Khương	0,81		Thủy lợi	Thủy lợi	UBND TT Mường Khương	
3	Hồ Na Ri	Thôn Na Phả, xã Bản Sen	4,9	0,281	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Bản Sen	
4	Hồ Na Nổi	Thôn Na Nổi, xã Bản Sen	2,19	0,038	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Bản Sen	
5	Hồ Thịnh Ổi	Thôn Thịnh Ổi, xã Bản Sen	1,82	0,082	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Bản Sen	
6	Hồ Cùm Hoa	Thôn Phẳng Tao, xã Bản Lầu	1	0,018	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Bản Lầu	
7	Hồ Hữu Nghị	Thôn Na Mạ 1, xã Bản Lầu	1,09	0,017	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Bản Lầu	
8	Hồ Km 17	Thôn Na Mạ 2, xã Bản Lầu	0,31	0,012	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Bản Lầu	
9	Hồ Km 18	Thôn Na Mạ 1, xã Bản Lầu	1,16		Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Bản Lầu	
10	Hồ Thủ Lùng	Thôn Na Pao, xã Bản Lầu	0,53		Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Bản Lầu	
11	Ao Sen	Thôn Na Pao, xã Bản Lầu	0,41	0,06	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Bản Lầu	
12	Hồ Ná Lin trên (Ná Lin 1)	Thôn Na Lin, xã Bản Lầu	0,93	0,014	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Bản Lầu	

TT	Tên hồ, ao, đầm	Vị trí, địa điểm	Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Mục đích sử dụng đất của ao, hồ, đầm		Đơn vị quản lý	Ghi chú
					Hiện trạng	Quy hoạch Gđ 2021-2030		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
13	Hồ Na Lin dưới (ná Lin 2)	Thôn Na Lin, xã Bản Lầu	0,78	0,024	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Bản Lầu	
14	Hồ Tào Giàng 1	Thôn Tào Giàng, xã Lũng Vai	5,2	0,19	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Lũng Vai	
15	Hồ Tào Giàng 2	Thôn Tào Giàng, xã Lũng Vai	0,34	0,002	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Lũng Vai	
16	Hồ Cốc Lầy	xã Lũng Vai		0,08	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Lũng Vai	
17	Hồ Sín Chải A	xã Tả Ngải Chồ		0,175	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Tả Ngải Chồ	
18	Hồ Bồ Lũng	Xã Lũng Vai		0,009	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Lũng Vai	
19	Hồ Quân Y	Xã Bản Xen		0,06	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Bản Xen	
20	Hồ Ngải Thầu	Xã Dìn Chín		0,012	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Dìn Chín	
II Huyện Bát Xát (3)								
1	Hồ Vĩ Kẽm	Thôn Vi Kẽm, xã Quang Kim	8,64	0,665	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Quang Kim	
2	Hồ Công Viên	Tổ 5, thị trấn Bát Xát	0,79	0,03		Cảnh quan	UBND thị trấn Bát Xát	
3	Hồ Tả Xín	Tổ 1, thị trấn Bát Xát		0,289	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND thị trấn Bát Xát	
III Huyện Bắc Hà (5)								
1	Ao Hoàng Trù Ván	Thôn Hoàng Trù Ván, xã Tả Văn Chur	0,093		NTS	NTS	UBND xã Tả Văn Chur	
2	Hồ Khởi Bung	Thôn Khởi Bung, xã Bảo Nhai	0,481		Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Bảo Nhai	
3	Hồ Na Cồ	TDP Nậm Sắt 2, TT Bắc Hà	8,7	0,147	Cảnh quan	Cảnh quan	UBND thị trấn Bắc Hà	
4	Ao cá Bác Hồ	Thôn Na Kim, xã Tả Chải	0,55		Cảnh quan, tôn giáo tín ngưỡng	Cảnh quan, tôn giáo tín ngưỡng	UBND xã Tả Chải	



TT	Tên hồ, ao, đầm	Vị trí, địa điểm	Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Mục đích sử dụng đất của ao, hồ, đầm		Đơn vị quản lý	Ghi chú
					Hiện trạng	Quy hoạch Gđ 2021-2030		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	Hồ Nậm Trì	Xã Bảo Nhai		0,005	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Bảo Nhai	
IV Huyện Si Ma Cai (7)								
1	Hồ Phổ Cũ	Phổ Cũ - TT Si Ma Cai	5,07	0,37	Cảnh quan	Cảnh quan	UBND huyện Si Ma Cai	
2	Hồ Trung tâm huyện	Phổ Thầu - TT Si Ma Cai	3,4	0,24	Cảnh quan	Cảnh quan	Huyện Si Ma Cai	
3	Hồ Cán Cầu	Thôn Cán Cầu (Tờ bản đồ 68, thửa 21)	14,63	1,03	Thủy lợi, Nuôi thủy sản	Thủy lợi, Nuôi thủy sản	Cộng đồng thôn Cán Cầu	
4	Hồ tập thể xã Sán Chải	Thôn Sín Hồ Sán, xã Sán Chải	0,55	0,038	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Sán Chải	
5	Ao tập thể thôn Sín Hồ Sán	Thôn Sín Hồ Sán, xã Sán Chải	0,08	0,004	Thủy lợi, Nuôi thủy sản	Thủy lợi, Nuôi thủy sản	Cộng đồng Thôn Sín Hồ Sán	
6	Ao tập thể thôn Hòa Bình	Thôn Hòa Bình, xã Sán Chải	0,12	0,005	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	Cộng đồng Thôn Hòa Bình	
7	Hồ chứa nước Hóa Chư Phùng	Thôn Ngã Ba, xã Quan Hồ Thẩn	5,5	0,42	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Quan Hồ Thẩn	
V TP. Lào Cai (12)								
1	Hồ Cửa Nam	Thôn Giang Đông, xã Vạn Hòa	2,7	0,046	Thủy lợi	Hồ cảnh quan	UBND xã Vạn Hòa	
2	Hồ Cửa Khu	Thôn Cánh Đông, xã Vạn Hòa	0,87	0,045	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Vạn Hòa	
3	Hồ Ông Lừu	Thôn Giang Đông, xã Vạn Hòa	1,2	0,012	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Vạn Hòa	
4	Hồ Trền Kíp	Thôn Cánh Chín, xã Vạn Hòa	0,55	0,020	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Vạn Hòa	

[illegible]



TT	Tên hồ, ao, đầm	Vị trí, địa điểm	Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Mục đích sử dụng đất của ao, hồ, đầm		Đơn vị quản lý	Ghi chú
					Hiện trạng	Quy hoạch Gđ 2021-2030		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Hồ Phú Nhuận	Thôn Nhuận 3	18,6	1,05	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Phú Nhuận	
2	Hồ Phú Thịnh 1	Thôn Phú Thịnh 1	0,99	0,014	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Phú Nhuận	
3	Hồ Phú Thịnh 2	Thôn Phú Thịnh 2	5,3	0,075	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Phú Nhuận	
4	Hồ Phú Thịnh 3	Thôn Phú Thịnh 3	0,99	0,032	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Phú Nhuận	
5	Hồ Hải Sơn	Thôn Hải Sơn 1	3,3	0,081	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Phú Nhuận	
6	Hồ Nhuận 4	Thôn Nhuận 4	1,7	0,206	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Phú Nhuận	
7.2	Xuân Giao							
7	Hồ Địa Chất	Thôn Hợp Giao		0,002	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Xuân Giao	
8	Hồ Hợp Giao	Thôn Hợp Giao	3,4	0,002	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Xuân Giao	
9	Hồ Tiến Lợi	Thôn Tiến Lợi	1	0,061	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Xuân Giao	
10	Hồ Canh Trường	Thôn Chành	0,56	0,027	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Xuân Giao	
11	Hồ Ná Trầm	Thôn Phèo	1,6	0,006	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Xuân Giao	
12	Hồ Long Tâm	Thôn Hùng Xuân 2	1,09	0,027	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Xuân Giao	
7.3	Tăng Loỏng							



TT	Tên hồ, ao, đầm	Vị trí, địa điểm	Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Mục đích sử dụng đất của ao, hồ, đầm		Đơn vị quản lý	Ghi chú
					Hiện trạng	Quy hoạch Gđ 2021-2030		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
13	Hồ Hợp Xuân	Thôn Hợp Xuân 2, Tầng Loòng	3,67	0,073	Thủy lợi	Nuôi thủy sản	UBND TT Tầng Loòng	
7.4	Sơn Hải							
14	Hồ Đồng Tâm	Thôn Đồng Tâm	6,25	0,31	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Sơn Hải	
15	Hồ An Tiến	Thôn An Tiến	5,66	0,287	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Sơn Hải	
7.5	Sơn Hà							
16	Hồ An Thắng	Thôn An Thắng	1,65	0,01	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Sơn Hà	
17	Hồ Khe Đèn	Sơn Hà	0,37	0,005	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Sơn Hà	
18	Hồ 19 -5	Sơn Hà	5,1	0,222	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Sơn Hà	
7.6	Phổ Lu							
19	Hồ Công Viên	TT Phổ Lu	0,48	0,02	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND TT Phổ Lu	
20	Ao Đốc Dương	TT Phổ Lu	0,55	0,02	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND TT Phổ Lu	
7.7	Trì Quang							
21	Hồ Tân Thượng	Trì Quang	2,4	0,128	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Trì Quang	
22	Hồ Nhò Trong	Trì Quang	0,8	0,011	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Trì Quang	
7.8	Xuân Quang							



TT	Tên hồ, ao, đầm	Vị trí, địa điểm	Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Mục đích sử dụng đất của ao, hồ, đầm		Đơn vị quản lý	Ghi chú
					Hiện trạng	Quy hoạch Gđ 2021-2030		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
23	Hồ Góc Mít	Góc Mít	0,45	0,044	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi	UBND xã Xuân Quang	
24	Hồ Hang Đá	Hang Đá	0,73	0,01	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi	UBND xã Xuân Quang	
25	Hồ Hóc Đá	Hóc Đá	1,09	0,33	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi	UBND xã Xuân Quang	
26	Hồ Góc Chanh	Góc Mít	1,2	0,018	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi	UBND xã Xuân Quang	
27	Hồ KM48	Km48 QL70		0,003	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Xuân Quang	
7.9	Thái Niên							
28	Hồ Hải Niên	thôn Hải Niên	0,89	0,007	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Thái Niên	
29	Hồ Bãi Bấu	Thôn Bấu	0,88	0,024	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Thái Niên	
30	Hồ Dốc Cao	Thái Phiên	0,7	0,03	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Thái Niên	
31	Hồ Thôn Múc	Thái Niên		0,0002	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Thái Niên	
7.10	Phong Niên		8,26	0,504				
32	Hồ Tân Phong 1	Thôn Tân Phong 1	1,17	0,023	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi	UBND xã Phong Niên	
33	Hồ Tân Phong 2	Thôn Tân Phong 2	1,56	0,02	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi	UBND xã Phong Niên	
34	Hồ Cốc Tùm	Thôn Cốc Tùm 2	1,9	0,215	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi	UBND xã Phong Niên	



TT	Tên hồ, ao, đầm	Vị trí, địa điểm	Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Mục đích sử dụng đất của ao, hồ, đầm		Đơn vị quản lý	Ghi chú
					Hiện trạng	Quy hoạch Gđ 2021-2030		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
35	Hồ Cốc Sâm 4	Thôn Cốc Sâm 4	3,31	0,206	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi	UBND xã Phong Niên	
36	Hồ Cốc Sâm 5	Thôn Cốc Sâm 5	0,32	0,04	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi	UBND xã Phong Niên	
7.11	TT. Phong Hải							
37	Ao Bà Hạnh	thôn Nậm Tang	0,61	0,024	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND TT Phong Hải	
38	Ao ông Chung	thôn Nậm Tang	0,6	0,024	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND TT Phong Hải	
39	Ao ông Dũng	thôn Nậm Tang	0,98	0,039	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND TT Phong Hải	
40	Hồ ông Nghiệp	Thôn Nậm Choỏng	1,83	0,073	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND TT Phong Hải	
41	Ao ông Sinh	Thôn Na Năng	0,28	0,011	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND TT Phong Hải	
42	Ao ông Sơn	Thôn Nậm Choỏng	0,1	0,004	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND TT Phong Hải	
43	Ao ông An	Thôn Nậm Chủ	0,56	0,021	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND TT Phong Hải	
7.12	Bản Cầm							
44	Ao Bà Hạnh	thôn Nậm Tang	0,61	0,018	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND xã Bản Cầm	
45	Ao ông Chung	thôn Nậm Tang	0,6	0,019	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND xã Bản Cầm	
46	Ao ông Dũng	thôn Nậm Tang	0,98	0,029	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND xã Bản Cầm	
47	Hồ ông Nghiệp	Thôn Nậm Choỏng	1,83	0,054	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND xã Bản Cầm	
48	Ao ông Sinh	Thôn Na Năng	0,28	0,008	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND xã Bản Cầm	
49	Ao ông Sơn	Thôn Nậm Choỏng	0,1	0,004	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND xã Bản Cầm	
50	Ao ông An	Thôn Nậm Chủ	0,56	0,017	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND xã Bản Cầm	
7.13	Bản Phiệt							
51	Hồ Km8	Bản Phiệt	1,02	0,021	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi	UBND xã Bản Phiệt	
52	Hồ Làng Chung	Bản Phiệt	0,68	0,009	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi	UBND xã Bản Phiệt	

TT	Tên hồ, ao, đầm	Vị trí, địa điểm	Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Mục đích sử dụng đất của ao, hồ, đầm		Đơn vị quản lý	Ghi chú
					Hiện trạng	Quy hoạch Gđ 2021-2030		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
53	Hồ Na Quỳnh	Bản Phiệt	2,5	0,06	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi	UBND xã Bản Phiệt	
7.14	Gia Phú							
54	Hồ Xuân Lý	Thôn Xuân Lý	2,94	0,06	Thủy lợi, nuôi thủy sản		UBND xã Gia Phú	
55	Hồ Bắp Cạp	Thôn Bến Phà	1,13	0,023	Thủy lợi, nuôi thủy sản		UBND xã Gia Phú	
56	Hồ Chính Tiến	Thôn Chính Tiến	2,17	0.08	Thủy lợi, nuôi thủy sản		UBND xã Gia Phú	
VIII	Huyện Bảo Yên (27)							
1	Hồ quy hoạch khu đền Phúc Khánh	Tổ dân phố 4A, thị trấn Phố Ràng	0,61	0	Cảnh quan, thủy lợi	Cảnh quan, tôn giáo, tín ngưỡng, thủy lợi	UBND thị trấn Phố Ràng	
2	Hồ Phố Ràng	TDP 3A, thị trấn Phố Ràng	11,50	0,83	Cảnh quan, Thủy lợi	Cảnh quan, thủy lợi	UBND thị trấn Phố Ràng	
3	Hồ Nà Đò	Bản Nà Đò, xã Tân Dương	0,551	0.005	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Tân Dương	
4	Hồ bản Mùng	Bản Mùng, xã Tân Dương	0,439	0.015	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Tân Dương	
5	Ao bản Mùng	Bản Nà Đò, xã Tân Dương	0,169	0.006	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND xã Tân Dương	
6	Hồ Tân Văn	Thôn 2 Tân Văn xã Kim Sơn	1,7	0,079	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Kim Sơn	
7	Hồ Bảo Ân 2	Thôn Bảo Ân, xã Kim Sơn	1,3	0,03	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Kim Sơn	



TT	Tên hồ, ao, đầm	Vị trí, địa điểm	Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Mục đích sử dụng đất của ao, hồ, đầm		Đơn vị quản lý	Ghi chú
					Hiện trạng	Quy hoạch Gđ 2021-2030		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
8	Hồ Kim Quang	Thôn 4 AB xã Kim Sơn	4,4	1	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Kim Sơn	
9	Hồ 4 AB	Thôn 4 AB xã Kim Sơn	1,1	0,017	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Kim Sơn	
10	Hồ Mai 3	Bản Mai 3 xã Minh Tân	1,43	0,286	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND xã Minh Tân	
11	Hồ Mai 4	Xã Minh Tân		0,021	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Minh Tân	
12	Hồ Minh Hải 1	Bản Minh Hải, xã Minh Tân	1,84	0,03	Thủy lợi, nuôi thủy sản	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Minh Tân	
13	Hồ Bon 2	Bản Bon 2, xã Minh Tân	0,74	0,03	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND xã Minh Tân	
14	Hồ Khuổi Léch	Bản Nà Pồng, xã Vĩnh Yên	1,7	0,068	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Vĩnh Yên	
15	Ao Bản 1 Vải Siêu	Bản 1 Vải Siêu, xã Thượng Hà	1,36	0,027	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND xã Thượng Hà	
16	Ao Bản 3 Mai Đào	Bản 3 Mai Đào, xã Thượng Hà	0,61	0,012	Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND xã Thượng Hà	
17	Ao (hồ) thôn Hàm Rồng	Thôn Hàm Rồng, xã Việt Tiến	3,17	0,02	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Việt Tiến	
18	Ao (hồ) thôn Già Thượng	Thôn Già Thượng	0,71		Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND xã Việt Tiến	
19	Ao (hồ) thôn Già Thượng	Thôn Già Thượng	0,33		Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND xã Việt Tiến	
20	Hồ Đông Thọ	Bản 7 Vành xã Xuân Thượng	6,18		Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND xã Xuân Thượng	



TT	Tên hồ, ao, đầm	Vị trí, địa điểm	Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Mục đích sử dụng đất của ao, hồ, đầm		Đơn vị quản lý	Ghi chú
					Hiện trạng	Quy hoạch Gđ 2021-2030		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
21	Hồ Làng Là	xã Xuân Thượng		0,138	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Xuân Thượng	
22	Ao bản 7 Vành	Bản 7 Vành xã Xuân Thượng	0,77	0,005	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Xuân Thượng	
23	Ao(hồ) Thôn Bó	Thôn Bó, xã Phúc Khánh	0,65		Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND xã Phúc Khánh	
24	Ao(hồ) Bản Bùn	Bản Bùn 1, xã Bảo Hà	0,4		Nuôi thủy sản	Nuôi thủy sản	UBND xã Bảo Hà	
25	Ao (hồ) Bản Bông 4	Bản Bông 4, xã Bảo Hà	0,77		Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Bảo Hà	
26	Hồ Khuổi Rĩa	xã Nghĩa Đô		0,005	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Nghĩa Đô	
27	Hồ Cốc Lay	xã Cam Cọn		0,03	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Cam Cọn	
IX	Huyện Văn Bàn (20)							
1	Hồ Leo Liềng	Thôn Chiềng 4	3,9	0,202	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Võ Lao	
2	Hồ Làng Vinh	Thôn Vinh 1	1,51	0,043	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Võ Lao	
3	Hồ Cốc Phường	Thôn Vinh 1	1,98	0,123	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Võ Lao	
4	Hồ Văn Thủy	Thôn Văn Thủy, xã Võ Lao	5,72	0,198	Thủy lợi	Thủy lợi và nuôi thủy sản	UBND xã Võ Lao	
5	Hồ Noong Pó	Thôn Là	0,8	0,006	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Võ Lao	
6	Hồ Lủ	Thôn Lủ	0,52	0,013	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Võ Lao	
7	Hồ Tổng Tư	Thôn Ngầu	0,66	0,012	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Võ Lao	
8	Hồ Làng Én	Thôn Én	1,13	0,022	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Võ Lao	
9	Hồ Sung Làng	Thôn Làng	1,56	0,2	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Khánh Yên Hạ	
10	Hồ Bô	Thôn Bô 1	2,26	0,009	Thủy lợi	Thủy lợi và Cảnh quan	UBND xã Khánh Yên Hạ	



TT	Tên hồ, ao, đầm	Vị trí, địa điểm	Diện tích mặt nước (ha)	Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Mục đích sử dụng đất của ao, hồ, đầm		Đơn vị quản lý	Ghi chú
					Hiện trạng	Quy hoạch Gđ 2021-2030		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
11	Hồ Noong Khuẩn	Bản Noong Khuẩn	1,9	0,017	Thủy lợi	Thủy lợi, nuôi thủy sản	UBND xã Khánh Yên Trung	
12	Hồ Noong Chai	Bản Noong Chai	1,42	0,026	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Khánh Yên Trung	
13	Hồ Làn	Thôn Làn 1	1,12	0,009	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Khánh Yên Trung	
14	Hồ Bơ	Bản Bơ	1,63	0,015	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Khánh Yên Trung	
15	Hồ Bệnh Viện	Tổ 5 thị trấn Khánh Yên	1,69	0,032	Cảnh quan	Cảnh quan	UBND thị trấn Khánh Yên	
16	Hồ Trung tâm	Tổ 8 thị trấn Khánh Yên	2,38	0,176	Cảnh quan	Cảnh quan	UBND thị trấn Khánh Yên	
17	Khe Quất, Khe Hồng	xã Tân An		0,24	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Tân An	
18	Hồ Nậm Mả	xã Nậm Mả		0,031	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND xã Nậm Mả	
19	Đầm Sen	xã Võ Lao	2,4		Cảnh quan	Cảnh quan	UBND xã Võ Lao	
20	Hồ Một	TT Khánh Yên		0,028	Thủy lợi	Thủy lợi	UBND TT Khánh Yên	

Tổng số: 152 hồ, ao, đầm.